

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HS-ST
Ngày 28-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Mừng

+ Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thương Tín – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo: **Lê Văn Đ**, tên gọi khác: không; Giới tính: nam; sinh ngày: 13 tháng 8 năm 1980 tại H, Đà Nẵng; nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn Q (chết) và con bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1937) trú tại: thôn H, xã H, thành phố Đà Nẵng; Có vợ đã ly hôn. Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: không.

Tiền sự:

+ Ngày 07/3/2024, bị Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng. Lê Văn Đ chưa nộp phạt.

+ Ngày 11/3/2024, bị UBND xã Đ ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 11/3/2025, UBND xã Đ ra quyết định chấm dứt quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lê Văn Đ.

Nhân thân: Ngày 28/9/2017, bị TAND thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Ngày 02/4/2018, chấp hành xong hình phạt.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2025 đến ngày 26/12/2025 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đại Lộc thuộc Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ là tài xế lái xe đầu kéo BKS 50H-248.09 kéo theo rơ móc BKS 50RM-011.92 chở quặng tuyến đường thuộc huyện Đ, S, Lào qua Cửa khẩu Quốc tế N thuộc thôn Đ, xã L, thành phố Đà Nẵng đi cảng C, thành phố H, Việt Nam. Khoảng 19 giờ ngày 19/12/2025, do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy, Đoàn một mình điều khiển phương tiện nêu trên đến khu vực ngã ba T, thành phố Đà Nẵng để tìm gặp người đàn ông tên D (không rõ lai lịch) mua ma túy (theo Đ khai đã mua nhiều lần). Tại đây, Đ mua trực tiếp của D gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau khi D đưa gói ma túy đá, Đ cất giấu vào ví da rồi bỏ ví vào túi quần trước bên phải đang mặc rồi điều khiển phương tiện trên theo Quốc lộ A đến Cửa khẩu Quốc tế N. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/12/2025, khi Đ đang thực hiện các thủ tục để xuất cảnh tại Cửa khẩu Quốc tế N thì bị Tổ công tác của Đoàn Biên phòng phối hợp với Hải quan Cửa khẩu phát hiện trong ví da tại túi quần trước bên phải Đoàn đang mặc có 01 gói ni lông chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá. Tổ công tác tiếp tục kiểm tra phương tiện do Đ điều khiển phát hiện tại vị trí cửa bên trái của ca-bin xe có 01 ống thủy tinh hình lưỡi câu có một đầu phình to, kích thước dài nhất của ống thủy tinh là 15cm (là dụng cụ của Đ sử dụng trái phép chất ma túy). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ hình sự đối với Đ cùng các tang vật có liên quan. Tiến hành kiểm tra nhanh các chất ma túy trên người Đ cho kết quả âm tính với các chất ma túy.

Quá trình điều tra, Lê Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, Đ còn khai trước đó đã 03 lần mua ma túy đá của đối tượng D tại khu vực T. Lần thứ nhất và lần thứ hai không xác định được thời gian còn lần thứ ba là khoảng ngày 05/12/2025. Số ma túy đá mua được, Đ đã sử dụng hết cho bản thân. Tất cả các lần mua ma túy đá từ D, Đ đều mua trực tiếp bằng tiền mặt, không chuyển khoản và không liên lạc qua phương tiện điện tử; đối tượng D luôn mang khẩu trang nên Đoàn không xác định được nhân thân, lai lịch của D.

Tại Kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 24/12/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định: chất rắn màu trắng dạng tinh thể chứa gói ni lông có tích hợp khóa bấm, miệng có đường viền màu đỏ, kích thước (6,0 x 9,5)cm được niêm phong trong phong bì ký hiệu 01 gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine; có khối lượng là 0,24 gam.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSDNG-KV ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xét bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/12/2025, khi đang làm các thủ tục xuất nhập cảnh tại Cửa khẩu Quốc tế N thuộc thôn Đ, xã L, thành phố Đà Nẵng, Lê Văn Đ bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế N phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi cất giấu 01 gói ma túy đá loại Methamphetamine, khối lượng 0,24gam nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, ngoài ra không còn mục đích nào khác. Hành vi của Lê Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo không những xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà còn gây hậu quả rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi ma túy là một loại chất gây nghiện, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, nòi giống, nhân cách, đạo đức lối sống của con người. Ma túy chính là nguồn gốc để các loại tội phạm khác phát triển gây nhiều hệ lụy cho xã hội. Nhà nước đã nghiêm cấm mọi hành vi liên quan đến ma túy và pháp luật quy định xử lý rất nghiêm minh đối với loại tội phạm này. Vì vậy, cần phải xử phạt Lê Văn Đ một mức án nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng

cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

3.1. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.2. Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy các vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vấn đề liên quan trong vụ án:

- Lê Văn Đ khai nhận trước thời điểm bị bắt, Đ có tổng cộng 03 lần mua ma túy đá của người đàn ông tên D để sử dụng trái phép cho bản thân. Tuy nhiên, ngoài lời khai của Đ thì không tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh hành vi trên, quá trình kiểm tra, Đ âm tính với các chất ma túy, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với người đàn ông tên D đã bán ma túy đá cho Lê Văn Đ, đã tiến các biện pháp điều tra nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không có cơ sở xử lý.

[6] Tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 20 tháng 12 năm 2025.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025); Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) xử lý vật chứng của vụ án đã được

được bàn giao sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Đà Nẵng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đà Nẵng, cụ thể:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì giấy màu trắng hình chữ nhật của V1 Bộ C đã được niêm phong, có chữ ký của Trần Thị D1, Nguyễn Quang V, chứa chất ma túy Methamphetamine sau giám định.

+ 01 ống thủy tinh có hình lưới cầu, có một đầu phình to, kích thước dài nhất của ống thủy tinh là 15cm.

- Tuyên trả lại cho Lê Văn Đ những vật chứng được niêm phong trong 01 bì giấy màu trắng hình chữ nhật của Đồn Biên Phòng cửa khẩu quốc tế N, trên mép các góc của bì có đóng 04 dấu hình tròn màu đỏ của Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế N và chữ ký của Phạm Minh T, Trần Thị Á, Nguyễn Quang V, Lê Văn Đ, bao gồm:

+ 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn Đ, có số: 049080007243; cấp ngày 09/6/2023 do Cục C1 về TTXH cấp.

+ 01 giấy phép lái xe phân hạng FC, mang tên Lê Văn Đ, có số: 480106481361; có giá trị đến ngày 19/6/2029.

+ 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu iPhone 8, đã qua sử dụng, bên trong có lắp thẻ sim, số thuê bao: 0935606016 không xác định được giá trị.

+ 01 ví da màu nâu kích thước khoảng (9 x 23)cm.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/4/2026).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11-ĐN;
- CQ CSĐT CA TP Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Đại Lộc;
- Trại TG số 02 Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng THA Dân sự khu vực 11, TPĐN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng